

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 123/QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày 22 tháng 5 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế cộng tác viên kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật
trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 20/2010/TT-BTP ngày 30 tháng 11 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 990/TTr-STP ngày 08 tháng 5 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế cộng tác viên kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, DL.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đào Công Thiên

QUY CHẾ

**Cộng tác viên kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật
trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 129/QĐ-UBND ngày 22 tháng 5 năm 2015
của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về xây dựng và quản lý cộng tác viên kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật (sau đây gọi là cộng tác viên); quyền, nghĩa vụ của cộng tác viên; mối quan hệ của cộng tác viên với cơ quan sử dụng cộng tác viên trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân quy định trong Quy chế này bao gồm: cơ quan sử dụng cộng tác viên, cơ quan, tổ chức có liên quan đến hoạt động của Cộng tác viên và cá nhân tham gia vào đội ngũ Cộng tác viên.

Điều 2. Cơ quan sử dụng cộng tác viên

1. Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp các huyện, thành phố, thị xã là cơ quan giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp thực hiện việc tự kiểm tra văn bản và kiểm tra văn bản theo thẩm quyền theo quy định tại Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật được sử dụng cộng tác viên phục vụ cho việc kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật.

2. Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp trong việc xây dựng và quản lý đội ngũ cộng tác viên.

3. Giám đốc Sở Tư pháp, Trưởng phòng Tư pháp quyết định số lượng cộng tác viên tùy thuộc vào phạm vi, tính chất, số lượng văn bản cần kiểm tra.

Điều 3. Cộng tác viên

1. Cộng tác viên kiểm tra văn bản là các chuyên gia, chuyên viên tự nguyện, người có kinh nghiệm trong lĩnh vực xây dựng, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật phù hợp với lĩnh vực văn bản được kiểm tra; có kiến thức về pháp luật chuyên ngành, do Giám đốc Sở Tư pháp, Trưởng phòng Tư pháp ký hợp đồng cộng tác, hoạt động

theo cơ chế khoán việc hoặc làm việc có thời hạn, chịu sự quản lý, hướng dẫn nghiệp vụ và thực hiện theo yêu cầu của Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp.

2. Cộng tác viên bao gồm:

a) Cộng tác viên cấp tỉnh: chịu sự quản lý, hướng dẫn nghiệp vụ của Sở Tư pháp.

b) Cộng tác viên cấp huyện: chịu sự quản lý, hướng dẫn nghiệp vụ của Phòng Tư pháp.

Điều 4. Môi quan hệ giữa cộng tác viên và cơ quan sử dụng cộng tác viên

1. Cộng tác viên và cơ quan sử dụng cộng tác viên thiết lập mối quan hệ trên cơ sở hợp đồng cộng tác, thỏa thuận, bình đẳng và tự nguyện giữa hai bên;

2. Cơ quan kiểm tra văn bản có trách nhiệm hướng dẫn nghiệp vụ cho cộng tác viên, tạo điều kiện cho cộng tác viên thực hiện công việc được giao, có quyền chấp nhận hay không chấp nhận ý kiến, đề xuất của cộng tác viên về kết quả kiểm tra văn bản;

Chương II

XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ CỘNG TÁC VIÊN

Điều 5. Tiêu chuẩn cộng tác viên

1. Tốt nghiệp Đại học Luật hoặc Đại học chuyên ngành phù hợp với lĩnh vực văn bản được kiểm tra, có kinh nghiệm về xây dựng và kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật;

2. Có thời gian công tác chuyên môn từ 03 năm trở lên;

3. Có nguyện vọng trở thành cộng tác viên;

Điều 6. Ký kết hợp đồng cộng tác viên

Căn cứ nhu cầu công tác kiểm tra văn bản thuộc lĩnh vực chuyên ngành, Giám đốc Sở Tư pháp, Trưởng phòng Tư pháp chủ động ký kết hợp đồng cộng tác với Cộng tác viên có đủ điều kiện.

Điều 7. Phạm vi hoạt động của cộng tác viên

1. Cộng tác viên tham gia các hoạt động sau:

a) Tham gia công tác kiểm tra văn bản: xem xét, đánh giá và đưa ra kết luận về tính hợp hiến, hợp pháp của văn bản; đưa ra các đề xuất về việc xử lý văn bản có nội

dung trái pháp luật; đưa ra các kiến nghị xác định trách nhiệm của cơ quan, người đã ban hành văn bản trái pháp luật;

b) Tham gia công tác rà soát xác định hiệu lực văn bản, đưa ra đề nghị bãi bỏ văn bản không còn phù hợp; công bố văn bản hết hiệu lực;

c) Tham gia công tác rà soát, hệ thống hoá văn bản theo chuyên đề, lĩnh vực.

2. Căn cứ năng lực, trình độ chuyên môn của cộng tác viên, nhu cầu công tác kiểm tra văn bản, Giám đốc Sở Tư pháp, Trưởng phòng Tư pháp giao việc cho cộng tác viên theo hình thức khoán việc, hoặc làm việc theo thời gian.

Điều 8. Chấm dứt hợp đồng cộng tác viên

Cơ quan sử dụng cộng tác viên chấm dứt Hợp đồng cộng tác viên trong các trường hợp sau:

1. Hết thời hạn hợp đồng theo hợp đồng ký kết.
2. Theo đề nghị của Cộng tác viên.
3. Dùng danh nghĩa Cộng tác viên để thực hiện các hoạt động khác ngoài công tác kiểm tra văn bản được giao.
4. Cộng tác viên vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điều 10 của Quy chế này.

Chương III

QUYỀN LỢI VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỘNG TÁC VIÊN

Điều 9. Quyền lợi của Cộng tác viên

1. Được tham gia tập huấn, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ về công tác kiểm tra, xử lý văn bản;
2. Được cung cấp tài liệu, văn bản và các điều kiện cần thiết khác để phục vụ cho công tác kiểm tra, xử lý văn bản theo quy định;
3. Được hưởng chế độ kinh phí chi hoạt động của cộng tác viên theo quy định của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp.

Điều 10. Nghĩa vụ của Cộng tác viên

1. Tham gia thực hiện các nhiệm vụ kiểm tra văn bản theo đúng thời hạn quy định trong hợp đồng hoặc theo yêu cầu của cơ quan kiểm tra văn bản theo quy định.

2. Đảm bảo sự chính xác, khách quan, trung thực trong công tác kiểm tra văn bản của mình.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về kiểm tra văn bản pháp luật và Quy chế này.

4. Chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra.

5. Tuân thủ các quy định pháp luật về bảo quản, lưu trữ hồ sơ, tài liệu.

6. Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo kiểm tra văn bản.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Trách nhiệm thi hành

1. Giám đốc Sở Tư pháp chịu trách nhiệm triển khai, hướng dẫn thực hiện Quy chế này;

2. Giám đốc Sở Tài chính chịu trách nhiệm hướng dẫn việc quản lý, sử dụng kinh phí đảm bảo hoạt động của cộng tác viên kiểm tra văn bản theo quy định của pháp luật;

3. Thủ trưởng các cơ quan đơn vị chủ quản của cộng tác viên có trách nhiệm giới thiệu cộng tác viên có tiêu chuẩn theo quy định của Quy chế này; hỗ trợ, tạo điều kiện cho cộng tác viên thực hiện nhiệm vụ kiểm tra văn bản theo quy định;

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo Trưởng phòng Tư pháp và các cơ quan có liên quan ở địa phương triển khai thực hiện Quy chế này; đảm bảo kinh phí cho hoạt động của cộng tác viên theo quy định.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc có vấn đề mới phát sinh thì các cơ quan, cá nhân có liên quan có trách nhiệm đề xuất đề Giám đốc Sở Tư pháp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đào Công Thiên